TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** TỈNH BÌNH ĐỊNH Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST Ngày: 31/10/2019 "V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cảnh

2. Bà Đinh Thị Thươn

- Thư ký phiên tòa: Anh Nguyễn Văn Tín, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Kiều Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hương G, sinh năm: 1993, địa chỉ: Thôn ĐN, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985, địa chỉ: Khu phố ĐT, thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/7/2019, được bổ sung bằng bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng ngày 24/7/2019 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trương Thị Hương G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức lễ cưới; Đến ngày 14/7/2014, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định.

Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng kể từ đầu năm 2018, anh T chơi cờ bạc, phá tán tài sản của gia đình, chị và gia đình khuyên không được, nên vợ chồng mâu thuẫn. Giữa năm 2018, chị đã làm Đơn khởi kiện ly hôn anh

T tại Tòa án, thời điểm đó anh T hứa hẹn sửa đổi, nên chị đã rút đơn. Nhưng đến cuối năm 2018, anh T tiếp tục cờ bạc, lâm nợ nần, thường xuyên bỏ nhà đi. Chị chán nản nên đã dẫn con chung về sinh sống phía gia đình mẹ đẻ cho đến nay. Chị nhận thấy vợ chồng hiện sống ly thân, tình cảm không còn, không thể đoàn tụ, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung, là cháu: Nguyễn Ngọc Thuấn H (Sinh ngày 02/4/2015), hiện nay đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Hương G; *Về con chung:* Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị G, giao cháu Nguyễn Ngọc Thuấn H (sinh ngày: 02/4/2015) cho chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung, về nợ chung:* Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh T cư trú tại huyện VT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Nguyên đơn chị G chấp hành nghiêm túc, đầy đủ. Riêng bị đơn anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tống đạt, thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh T tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị Trương Thị Hương G và anh Nguyễn Văn T được xác lập kể từ khi anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2014 tại UBND thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định - Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Tòa án làm việc, tiến hành xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế tình trạng hôn nhân của chị G và anh T đúng như lời khai của chị G. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ năm 2018, nguyên nhân do anh T sống không có trách nhiệm với vợ con, chơi cờ bạc, nợ nần. Đến cuối năm 2018, anh T thường xuyên bỏ nhà đi, mâu thuẫn vợ chồng tiếp diễn, không giải quyết được, chị G đã dẫn con về sống với gia đình mẹ đẻ. Từ đó đến nay, chị G và anh T bỏ mặc, không quan tâm gì đến nhau. Tại phiên tòa, chị G giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của chị G và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Giang.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu của chị Trương Thị Hương G về việc: Khi ly hôn, chị yêu cầu cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thuấn H (sinh ngày: 02/4/2015), chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu H hiện đang được chị G trực tiếp nuôi dưỡng; Bản thân anh T không phản hồi ý kiến về việc tranh chấp quyền nuôi con; Gia đình anh T xác nhận anh T hiện còn nợ nần, chưa ổn định cuộc sống; Do đó, xét các điều kiện thực tế để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Ngọc Thuấn H (sinh ngày: 02/4/2015) cho chị G được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4].Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Hương G không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị Hương G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009720 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

[6]. Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Hương G, chị Trương Thị Hương G được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Hương G: Giao cháu: Nguyễn Ngọc Thuấn H (sinh ngày: 02/4/2015) cho chị G được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Trương Thị Hương G không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Hương G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009720 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

Chị Trương Thị Hương G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Anh Nguyễn Văn T không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày anh T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn; (UBND thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định)
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mai Đào